

Bản án số: 74/2017/KDTM-PT

Ngày: 23-8-2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thành
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Lê Quốc Hiệp - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 23/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 43/2017/TLPT-KDTM ngày 28/4/2017 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2017/QĐPT-KDTM ngày 18/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: 2C Đường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phước M, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Do ông Phạm Quang D – Giám đốc và ông Chu Đức H – Nhân viên phòng kinh doanh Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Quận B– Đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1972

Trú tại: Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn C (chết ngày 24/4/2014).

2. Bà Nguyễn Thị G.

3. Anh Nguyễn Văn T (con ông C, bà G).
4. Chị Nguyễn Thị Mai A (con ông C, bà G).
5. Bà Nguyễn Thị Kim N (con ông C, bà G).
6. Chị Lê Thị Thu H (vợ anh Nguyễn Tiến D).
7. Nguyễn Tiến H (con anh D, chị H).
8. Nguyễn Ngọc D (con anh D, chị H).
9. Chị Phạm Thị Thanh H (vợ anh T).
10. Nguyễn Thu P (con anh T, chị H).
11. Nguyễn Hải L (con anh T, chị H).
12. Nguyễn Hải L (con anh T, chị H).
13. Nguyễn Quốc V (con chị M).
14. Nguyễn Việt N (con chị M).

Cùng trú tại: Xóm G, Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

15. Anh Nguyễn Hồng Q (con ông C, bà G), trú tại: Số 197 đường N, phường P, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Chị Nguyễn Thị X, trú tại: Số 14A2 TT Khu Y, tập thể V, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S (sau đây viết tắt là Ngân hàng S) trình bày:

Ngày 19/9/2012, Ngân hàng S - chi nhánh Quận B đã ký hợp đồng tín dụng số 364/2012/HĐTDTL-CN cho anh Nguyễn Tiến D vay số tiền 400.000.000đ; thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày 19/9/2012 đến ngày 19/6/2013; mục đích vay kinh doanh nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm nhựa; lãi suất 17%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo mức cho vay ngắn hạn của bên ngân hàng đang có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Cùng ngày, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho anh D theo giấy nhận nợ số 01 ngày 19/9/2012.

Ngày 16/3/2013, Ngân hàng S ký kết hợp đồng tín dụng số 087/2013/HĐTDTL - CN cho anh D vay 1.700.000.000đ; mục đích vay kinh doanh bột nhựa và các sản phẩm của nhựa; thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày 16/3/2013 đến ngày 16/12/2013; lãi suất 17%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo mức cho vay ngắn hạn của bên ngân hàng đang có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho anh D theo giấy nhận nợ số 01 ngày 16/3/2013. Tổng số anh D đã được ngân hàng giải ngân 2.100.000.000đ.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của 02 khoản vay trên, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng 294m² đất tại Thôn

A, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội (thửa số 27, tờ bản đồ 04) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 775276 do UBND huyện T cấp ngày 14/6/2007 mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G tại Phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 1537608/HĐTC, quyền số 04-TP/CC/SCC ngày 19/12/2008 và phụ lục hợp đồng ngày 06/6/2012, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Tiến D đã trả Ngân hàng S được 252.321.262đ tiền lãi. Toàn bộ số tiền gốc đến hạn và lãi phát sinh đến nay anh D không thanh toán. Ngân hàng S đã nhiều lần yêu cầu anh D thanh toán nợ nhưng anh vẫn không trả nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ 02 khoản vay trên của anh D sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/10/2016, anh Nguyễn Tiến D còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền 3.361.269.433đ, bao gồm nợ gốc: 2.100.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 852.004.167đ; nợ lãi quá hạn: 407.247.488đ và phạt chậm trả lãi: 2.017.778đ.

Ngân hàng S đề nghị Toà án buộc anh Nguyễn Tiến D phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng S tính đến khi hoàn tất các nghĩa vụ thanh toán. Nếu anh D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán trên thì đề nghị Cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo nêu trên để thanh toán cho ngân hàng, trường hợp xử lý tài sản nhưng không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì anh D vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ đến khi hoàn tất các khoản nợ.

Tại bản tự khai 29/10/2015 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Tiến D trình bày:

Anh xác nhận do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh nên anh có ký 2 hợp đồng tín dụng như ngân hàng trình bày để vay tổng số tiền 2.100.000.000đ. Thời hạn cho vay, lãi suất, lãi phạt chậm trả và lãi quá hạn được thoả thuận giữa hai bên và ghi nhận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, đúng như phía ngân hàng trình bày. Anh D xác nhận đã được Ngân hàng S giải ngân đủ số tiền vay theo 02 Giấy nhận nợ số 01 ngày 19/9/2012 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 16/3/2013.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Toàn bộ quyền sử dụng 294m² đất, thửa số 27, tờ bản đồ 04 tại Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 775276 do UBND huyện T cấp ngày 14/6/2007 mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G theo hợp đồng thế chấp số 1537608/HĐTC, quyền số 04-TP/CC/SCC ngày 19/12/2008 và phụ lục hợp đồng ngày 06/6/2012 tại phòng Công chứng số 1, thành phố Hà Nội được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh D xác nhận, tính đến ngày 26/10/2016 còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền 3.361.269.433đ bao gồm, nợ gốc: 2.100.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 852.004.167đ; nợ lãi quá hạn: 407.247.488đ và phạt chậm trả lãi: 2.017.778đ.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Bà Nguyễn Thị G cũng thống nhất toàn bộ nội dung như anh D trình bày và đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho anh D có thời gian trả nợ dần cho ngân hàng. Trong trường hợp anh D không có khả năng thanh toán, bà đồng ý để ngân hàng phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Chồng bà là ông Nguyễn Văn C đã mất năm 2014. Hiện nay, trên thửa đất vợ chồng bà thế chấp cho ngân hàng có những người đang ở trên đất gồm: bà, gia đình anh D, anh T, anh L, chị Nguyễn M. Trên thửa đất xây dựng 04 ngôi nhà: nhà cấp 4 của vợ chồng anh D, nhà 02 tầng của vợ chồng chị M, nhà 03 tầng của anh T và nhà 02 tầng bà đang quản lý, sử dụng.

- Anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị Thanh H, anh Nguyễn Hải L và chị Nguyễn Thu P trình bày: các anh chị là con trai, con dâu và cháu của ông C, bà G. Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 04, diện tích 294m² tại Thôn A, xã H, Huyện T, Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007 mang tên ông C và bà G. Trên mảnh đất này hiện nay có nhà ở do vợ chồng anh T xây dựng. Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ bà G để lại cho bà G. Tuy nhiên, năm 2004 bà G đã ký “Giấy cho đất thổ cư” cho anh T làm nhà, sau đó vợ chồng anh đã xây dựng một ngôi nhà ở 03 tầng như hiện nay trên thửa đất. Do tin tưởng trong gia đình nên vợ chồng anh chưa làm thủ tục tách thửa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc anh Nguyễn Tiến D ký kết hợp đồng tín dụng vay tiền ngân hàng và ông C, bà G ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có cả phần đất xây dựng nhà của anh chị, anh chị không biết. Khi có giấy báo của Tòa án, anh chị mới biết hiện nay anh D đang nợ Ngân hàng S số tiền như trên, tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ thửa đất đã thế chấp, trong đó có cả phần nhà của vợ chồng anh chị. Việc anh D vay nợ ngân hàng và bà G đã ký hợp đồng thế chấp đảm bảo cho khoản vay của anh D nên bà cũng phải có trách nhiệm đối với khoản nợ này. Đề nghị Tòa án xem xét xử lý phần tài sản là nhà đất của bà G và anh D để phát mại thu hồi trả nợ cho ngân hàng và đảm bảo quyền lợi cho gia đình anh.

- Chị Lê Thu H, cháu Nguyễn Tiến H và cháu Nguyễn Ngọc D trình bày: Chị H là vợ anh Nguyễn Tiến D cũng thừa nhận toàn bộ nội dung như bà G và anh D khai và xác nhận số nợ gốc mà anh D còn nợ ngân hàng, với phần nợ lãi thế nào thì không rõ. Các con anh chị không biết bố mẹ vay nợ ngân hàng, các cháu không có công sức đóng góp gì trên nhà đất mà ông bà cháu đã thế chấp cho ngân hàng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị M, cháu Nguyễn Quốc V và cháu Nguyễn Thị Nga trình bày: các anh chị là con và cháu của ông C và bà G, là những người hiện nay đang sinh sống trên thửa đất mà ông C, bà G đã thế chấp cho ngân hàng. Năm 2000, ông C, bà G cho chị M một phần thửa đất trên diện tích khoảng 40m², việc cho đất chỉ nói miệng, không có giấy tờ gì. Sau đó chị đã xây dựng nhà 02 tầng trên đất như hiện nay. Nay chị được biết anh D vay nợ ngân hàng và ông C bà G thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay của anh D mà trên đó có ngôi nhà của chị. Chị đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi cho gia đình, trong trường hợp anh D không trả nợ cho ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản phần nhà đất của anh D và bà G để trả nợ cho ngân hàng.

- Chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị Kim N là con của ông C, bà G trình bày: Việc vay nợ của anh D, các chị không biết, việc bố mẹ các chị thế chấp tài sản cho ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của anh D các chị không biết. Nguồn gốc khối tài sản này là của ông C, bà G, bố mẹ các chị đã ký kết hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của anh D thì phải có trách nhiệm với việc thế chấp này.

- Anh Nguyễn Hồng Q là con trai của ông C bà G, trình bày: Anh không ở trên thửa đất mà bố mẹ anh thế chấp, anh không biết việc anh D vay tiền ngân hàng, bố mẹ anh cũng không thông báo việc này. Từ năm 2000, các anh chị em ai không có chỗ ở thì đã tự xây nhà để ở, anh D không có liên quan gì trên mảnh đất này vì anh D đã được chia đất giãn dân 120m² ở nơi khác. Anh D vay tiền thì phải có trách nhiệm trả tiền cho ngân hàng.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Quận B đối với anh Nguyễn Tiến D về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2/ Xác định anh Nguyễn Tiến D còn nợ Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Quận B số tiền là: 3.441.151.655đ; bao gồm 2.100.000.000đ nợ gốc; 906.604.167đ lãi trong hạn; 434.547.488đ lãi quá hạn, theo Hợp đồng tín dụng số 364/2012/HĐTDTL-CN ngày 19/9/2012 và Hợp đồng tín dụng số 087/2013/HĐTDTL-CN ngày 16/3/2013 (tính đến ngày 12/01/2017)

Buộc anh Nguyễn Tiến D phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Quận B số tiền 3.441.151.655đ; bao gồm 2.100.000.000đ nợ gốc; 906.604.167đ lãi trong hạn; 434.547.488đ lãi quá hạn.

Anh Nguyễn Tiến D còn phải thanh toán các khoản lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày 13/01/2017 cho đến khi trả hết các khoản nợ.

Trường hợp anh Nguyễn Tiến D không trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Quận B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng 294m² đất (thửa số 27, tờ bản đồ 04) tại Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 775276 ngày 14/6/2007 mang tên cả hai vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G, theo hợp đồng thế chấp số 15276 08 ngày 19/12/2008 và phụ lục hợp đồng số 15376 08 ngày 06/6/2012 tại Phòng công chứng số 1 – thành phố Hà Nội để thu hồi nợ. Nhưng có xem xét đến quyền sở hữu và sử dụng tài sản trên đất của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì anh Nguyễn Tiến D còn phải thanh toán tiếp cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/01/2017, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mai A có đơn kháng cáo một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện T về nội dung: Ngân hàng đã không thẩm định, định giá hiện trạng tài sản khi thực hiện hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đối với anh Nguyễn Tiến D; không thông báo cho anh T và chị M là những người hiện đang ở trên nhà đất thế chấp, không xác minh thực tế mà chỉ dựa vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện việc ký kết hợp đồng và đăng ký giao dịch bảo đảm trong khi gia đình đã xây dựng nhà kiên cố trên đất trước khi ngân hàng cho anh D vay tiền. Ngân hàng không giám sát, kiểm tra việc sử dụng

vốn vay của anh D vì thực chất anh D không hoạt động kinh doanh và không sử dụng vốn vay đúng mục đích.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân huyện T và bác đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, anh D có lời khai cho rằng: anh có ký hợp đồng tín dụng số 364/2012/HĐTDTL-CN ngày 19/9/2012 và hợp đồng số 087/2013/ HĐTDTL - CN ngày 16/3/2013 với Ngân hàng TMCP S, tổng số vay là 2.100.000.000đ. Hợp đồng tín dụng số 364/2012/HĐTDTL - CN, anh đã trực tiếp lĩnh 400.000.000đ; hợp đồng tín dụng số 087/2013/ HĐTDTL - CN, anh không được lĩnh tiền trực tiếp mà nhận được 650.000.000đ chuyển qua tài khoản cá nhân mà không biết ai gửi. Tổng số hai lần vay, anh nhận được 1.050.000.000đ.

Ngân hàng S đã xuất trình: “Bảng kê các loại tiền mặt ngân hàng chi ra”; “Giấy lĩnh tiền mặt” ngày 19/9/2012 và ngày 16/3/2013 thể hiện anh D đã nhận đủ 2 lần tiền của 2 hợp đồng tín dụng số 364/2012/HĐTDTL - CN và 087/2013/ HĐTDTL - CN là 2.100.000.000 đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M.

Anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Hợp đồng tín dụng 364 và 087 các đương sự có thỏa thuận: nếu có tranh chấp thì các bên sẽ thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì đưa ra TAND quận Đ để giải quyết. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cũng chưa giải thích cho các đương sự về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ hay theo thỏa thuận để đương sự lựa chọn là chưa đúng. Tại cấp phúc thẩm các đương sự đều có ý kiến không thắc mắc gì về thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, mặt khác vấn đề này không thuộc phạm vi kháng cáo nên cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm.

- Về nội dung: Việc ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia giao dịch. Hợp đồng đã được công chứng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định. Do đó, xác định hợp đồng này có hiệu lực đối với các bên. Tại Điều 1 của Hợp đồng xác định tài sản thế chấp là quyền sử dụng mà không thế chấp tài sản trên đất theo Khoản 2 Điều 716 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông C, bà G nên việc ông, bà ký vào bên thế chấp trong hợp đồng thế chấp là đúng quy định. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất ở của ông C, bà G là có cơ sở. Anh T cũng không cung cấp được tài liệu gì liên quan đến

tài sản trên đất chứng minh là của anh. Do đó, tài sản gắn liền trên đất sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 19 Nghị định 11/2012 của Chính phủ khi thi hành án. Vì vậy, kháng cáo của anh T không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của chị M có nội dung như kháng cáo của anh T. Chị M được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 2 lần mà vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa anh T khai nhận ủy quyền của chị M nhưng không xuất trình được văn bản ủy quyền. Do đó, cần thiết phải đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

+ Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Mai A được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T khai được chị M ủy quyền tham gia tố tụng nhưng không xuất trình được văn bản ủy quyền. Do đó, việc vắng mặt của chị M tại phiên tòa lần này bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị M theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng qui định pháp luật.

- Bị đơn là anh Nguyễn Tiến D (có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa) và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại Điều 10.3 của các Hợp đồng tín dụng 364/2012/HĐTDTL - CN ngày 19/9/2012 và 087/2013/ HĐTDTL - CN ngày 16/3/2013, các đương sự có thỏa thuận: nếu có tranh chấp thì các bên sẽ thỏa thuận các biện pháp khắc phục phù hợp với qui định của pháp luật, nếu không thỏa thuận được thì đưa ra Tòa án nhân dân quận Đ để giải quyết. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cũng chưa giải thích cho các đương sự về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ hay theo thỏa thuận để đương sự lựa chọn là chưa đúng. Tại cấp phúc thẩm các đương sự đều có ý kiến không thắc mắc gì về thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, mặt khác vấn đề này không thuộc phạm vi kháng cáo nên cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm.

+ Về nội dung:

1. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mai A thì thấy:

- Xét Hợp đồng tín dụng số 364/2012/HĐTDTL-CN ngày 19/9/2012 và Hợp đồng tín dụng số 087/2013/HĐTDTL-CN ngày 16/3/2013 được ký kết giữa Ngân hàng S - Chi nhánh Quận B và anh Nguyễn Tiến D là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tư cách đại diện tham gia ký kết. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị

pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng đã giải ngân cho anh D 2.100.000.000đ, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận khoản nợ mà anh D còn nợ ngân hàng là đúng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu buộc anh D phải trả nợ cho Ngân hàng S số tiền 3.441.151.655đ là có cơ sở.

- Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1527608 ngày 19/12/2008 và phụ lục hợp đồng số 1537608 ngày 06/6/2012 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị G với Ngân hàng S: Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia giao dịch, được ký tại Phòng công chứng số 1, thành phố Hà Nội và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Bà G xác nhận việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tài sản thế chấp là tài sản hợp pháp của ông C, bà G và không cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng cho ai khác. Do đó, xác định hợp đồng này có hiệu lực đối với các bên.

Tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp xác định tài sản thế chấp là quyền sử dụng 294m² đất, thửa số 27, tờ bản đồ số 04 tại Thôn A, xã H, huyện T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH775276 do UBND huyện T cấp cho ông C và bà G ngày 14/6/2007. Như vậy, các bên chỉ thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản trên đất theo Khoản 2 Điều 716 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông C, bà G nên việc ông, bà ký vào bên thế chấp trong hợp đồng thế chấp là đúng quy định. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định việc thế chấp này phù hợp với thỏa thuận của các bên về tài sản đảm bảo, phù hợp quy định của Bộ luật dân sự và chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S về xử lý tài sản đảm bảo nêu trên nếu ông D không thanh toán hết các khoản nợ đối với Ngân hàng S là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, ngân hàng khai đã thực hiện đầy đủ các quy trình về thẩm định tài sản. Quá trình thẩm định, chủ tài sản là ông C và bà G cho biết có các con đang sinh sống trên một phần tài sản đã xây dựng, tuy nhiên ông, bà chưa cho ai phân diện tích đất nào mà hoàn toàn vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông bà và đã cam kết tài sản đảm bảo trên không có tranh chấp, các bên ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản trên đất nên ngân hàng ký hợp đồng thế chấp với ông C, bà G để đảm bảo cho khoản vay 2.100.000.000đ của anh D là phù hợp quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T xuất trình “Giấy cho đất thổ cư” thể hiện bà G cho anh T 80m² đất trên diện tích đất của ông C, bà G và khai rằng anh đã xây dựng nhà kiên cố trên đất đó nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh anh xây dựng ngôi nhà này. Xét thấy, việc bà G viết “Giấy cho đất” đối với anh T chưa hoàn thiện về thủ tục tặng cho và chưa đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên chưa được pháp luật thừa nhận, toàn bộ diện tích đất trên vẫn đứng tên bà G và ông C trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông bà đã đem tài sản đó thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo khoản vay 2.100.000.000đ của anh D và xác nhận việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc; tài sản thế chấp là tài sản hợp pháp của ông C, bà G và không cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng cho ai khác. Mặt khác, khi các bên ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài

sản trên đất, do vậy, việc ký hợp đồng thế chấp này phù hợp với thoả thuận của các bên về tài sản đảm bảo, phù hợp quy định của pháp luật nên yêu cầu của anh T không có cơ sở để chấp nhận.

Cấp sơ thẩm cũng đã nhận định và quyết định trường hợp anh D không trả được nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp là 294m² đất là đúng qui định của pháp luật. Đối với tài sản trên đất không phải là tài sản thế chấp nên được xử lý theo quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Điều 19 Nghị định 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ - CP khi thi hành án.

2. Tại phiên tòa sơ thẩm và quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm anh D khai khi làm thủ tục vay ngân hàng ông có ký nhận vay số tiền là 2.100.000.000đ, nhưng trên thực tế ông chỉ nhận được tổng số tiền 1.050.000.000đ . Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tạo điều kiện (tạm dừng phiên tòa để ông D cung cấp tài liệu chứng cứ về vấn đề này) nhưng anh D không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Cấp phúc thẩm cũng đã yêu cầu anh D cung cấp tài liệu chứng cứ như anh trình bày nhưng anh D cũng không cung cấp được. Hơn nữa, theo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình như “Giấy lĩnh tiền”, “Bảng kê các loại tiền mặt ngân hàng chi” thể hiện anh D đã được nhận 2.100.000.000đ tiền mặt, tại bút lục số 93 và 227, anh D cũng đã thừa nhận đã nhận đủ tiền theo giấy nhận nợ ngày 19/9/2012 và 16/3/2013 của ngân hàng. Do vậy, việc anh D khai chỉ nhận được 1.050.000.000đ là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc anh D trả nợ cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc là 2.100.000.000đ là có căn cứ.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc ông D phải thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 2.017.778đ; cấp sơ thẩm nhận định việc rút yêu cầu này là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận nhưng không quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thiếu sót, cần sửa án sơ thẩm về cách tuyên.

4. Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của anh T về việc hủy án sơ thẩm và bác đơn khởi kiện của Ngân hàng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do sửa án sơ thẩm về cách tuyên không liên quan đến nội dung kháng cáo của anh T nên anh T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Chị M kháng cáo nhưng không đến phiên tòa coi như từ bỏ quyền kháng cáo và phải chịu án phí phúc thẩm. Cấp sơ thẩm thông báo cho anh T, chị M nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ/mỗi người là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 2, Khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện T về cách tuyên.

Áp dụng: Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 271, Điều 273; Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 163/2006/NĐ-CP; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Nguyễn Thị M.
2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về yêu cầu buộc anh Nguyễn Tiến D phải thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi là 2.017.778đ (*hai triệu, không trăm mười bảy nghìn, bảy trăm bảy bảy đồng*).
3. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T.
4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với anh Nguyễn Tiến D về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".
5. Buộc anh Nguyễn Tiến D phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP S số tiền 3.441.151.655đ (*ba tỷ bốn trăm bốn mươi triệu, một trăm lăm một nghìn, sáu trăm lăm lăm đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số 364/2012/HĐTDTL-CN ngày 19/9/2012 và Hợp đồng tín dụng số 087/2013/HĐTDTL-CN ngày 16/3/2013 (tính đến ngày 12/01/2017) bao gồm:
Nợ gốc: 2.100.000.000đ (*hai tỷ một trăm triệu đồng*); Nợ lãi trong hạn: 906.604.167đ (*chín trăm linh sáu triệu, sáu trăm linh bốn nghìn, một trăm sáu bảy đồng*); Nợ lãi quá hạn: 434.547.488đ (*bốn trăm ba mươi tư triệu, năm trăm bốn bảy nghìn, bốn trăm tám tám đồng*).
- Kể từ ngày tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Tiến D còn phải thanh toán các khoản lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 364/2012/HĐTDTL - CN ngày 19/9/2012 và Hợp đồng tín dụng số 087/2013/HĐTDTL - CN ngày 16/3/2013 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.
6. Trường hợp anh Nguyễn Tiến D không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng 294m² đất (thửa số 27, tờ bản đồ 04) tại Thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 775276 ngày 14/6/2007 mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G theo hợp đồng thế chấp số 15276 08 ngày 19/12/2008 và phụ lục hợp đồng số 15376 08 ngày 06/6/2012 tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hà Nội để thu hồi nợ.

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì anh Nguyễn Tiến D còn phải thanh toán tiếp cho đến khi hết nợ.

7. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Mai A mỗi người phải chịu 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/08115 ngày 23/1/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện T còn phải nộp 1.700.000đ (*một triệu bảy trăm ngàn đồng*); chị M đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/08116 ngày 23/1/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện T còn phải nộp 1.700.000đ (*một triệu bảy trăm ngàn đồng*).

Anh Nguyễn Tiến D phải chịu 100.823.033 đồng (*một trăm triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, không trăm ba ba đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 46.000.000đ (*bốn mươi sáu triệu đồng*) theo biên lai số AA/2014/20874 ngày 05/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án phúc thẩm 23/8/2017.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND huyện T;
- Chi Cục THA DS huyện T;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy